TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 18 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 9 - 2021
V/v Không công nhận vợ chồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán Chủ toạ phiên toà:* ôngNguyễn Mạnh Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Anh Phương và bà Sùng Thị Mỷ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Lý A Hờ - cán bộ Toà án nhân dân huyện M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: ông Đoàn Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/ 8/2021 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 15/9/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: anh Thào A P,sinh năm 1984; trú tại: bản D, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái - có mặt.

2. *Bị đơn*: chị Giàng Thị C, sinh năm 1985; trú tại: bản D, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái - vắng mặt.

3. *Người phiên dịch tiếng Mông*: ông Thào A Dờ, trú tại: tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện M, tỉnh Yên Bái - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2021và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Thào A P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:*Anh chung sống như vợ chồng với chị Giàng Thị C từ năm 2000, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, khi về chung sống chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong quá trình chung sống, do Anh hay đi làm ăn xa nên chị C đã ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến mâu

thuẫn gia đình và tình cảm bị rạn nứt. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng chị C vẫn không thay đổi, đến tháng 10/2020 anh và chị C đã tự lập biên bản thỏa thuận ly hôn, kể từ đó hai người đã sống ly thân và không còn quan tâm cuộc sống của nhau nữa. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với chị C nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với chị Giàng Thị C.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống với nhau anh P và chị C có 03 con chung là Thào Thị S, Thào Thị S và Thào Thanh T. Nay cháu S và S đã xây dựng gia đình nên anh P không đề nghị giải quyết, còn cháu Thào Thanh T sinh ngày 16/6/2008, khi ly hôn anh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và không đề nghị chị C phải cấp dưỡng.

- *Tài sản chung:* Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản xác minh ngày 23/8/2021 tại UBND xã L thể hiện: Anh P và chị C có mỗi quan hệ hôn nhân và con chung như anh P đã trình bầy; còn đối với điều kiện nuôi con thì anh P và chị C đều không có công việc ổn định, thu nhập chính chủ yếu là làm ruộng nương và làm thuê; hiện nay chị C thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không trực tiếp quan tâm chăm sóc cho con, cuộc sống của các con chủ yếu do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2021, cháu Thào A T trình bầy nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố, vì mẹ thường xuyên vắng nhà, không chăm lo được cuộc sống cho cháu.

* Về ý kiến của bị đơn: Do bị đơn đang đi làm ăn xa, không cho biết địa chỉ cụ thể, thi thoảng mới về thăm nhà và gọi điện cho gia đình (Cố tình che giấu địa chỉ), nên không lấy được lời khai của bị đơn. Tuy nhiên tại biên bản thỏa thuận ly hôn giữa anh P và chị C ngày 26/10/2020 cũng đã thể hiện chị C nhất trí ly hôn với anh P và thừa nhận có 03 con chung với anh P, tài sản chung đã tự thỏa thuận thống nhất chia đến nay không ai có ý kiến gì.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng; Bị đơn không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trong quá trình giải quyết vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận anh Thào A P và chị Giàng Thị C là vợ chồng; giao cháu Tùng cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người khởi kiện đã nghi đầy đủ và đúng địa chỉ người bị kiện nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đưa vụ án ra xét xử tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227,khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Giàng Thị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Thào A P và chị Giàng Thị C chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống không có hạnh phúc nay anh P có yêu cầu ly hôn chị C. Tòa án thấy rằng: anh P và chị C có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh P và chị C là không hợp pháp. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Thào A P và chị Giàng Thị C.

[3] Về con chung:Tòa án xét thấy chị C thường xuyên vắng nhà; anh P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,chăm sóc cháu T; bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với anh P nếu bố mẹ ly hôn. Do đó yêu cầu của anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tùng là có cơ sở, cũng như bảo đảm cho cháu được học tập, phát triển về thể chất và tinh thần, chị C không phải cấp dưỡng, nhưng phải đảm bảo quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Đối với cháu Sua và cháu Sênh đã lớn và xây dựng gia đình, người khởi kiện không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Tài sản chung: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Trong trường hợp sau này bị đơn có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng đồng xét xử thấy có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, căn cứ vào điển đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28,35,271, 273, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227,khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81,82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Thào A P và chị Giàng Thị C là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Thào A P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thào A T sinh ngày 16/6/2008, chị Giàng Thị C không phải cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Thào A P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã L, huyện MCC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(ĐK)

Nguyễn Mạnh Hùng